

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2025

“Về việc tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Ông Thạch Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Nhi là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Thúy P**, sinh năm 1997; căn cước số: 084197000369 (Có mặt);

Nơi thường trú: Ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1990; căn cước số: 089090001123 (Có đơn xin vắng mặt);

Nơi thường trú: Ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người phiên dịch:** Chị **Lâm Thị Mai T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị Thúy P trình bày có nội dung: Chị P xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn Q, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ) vào ngày 18/10/2016.

Trong quá trình chung sống có con chung tên Thạch Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/9/2016, hiện do chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi qua lại với nhau, anh Q không quan tâm đến chị dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Q yêu cầu được ly hôn.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Anh có kết hôn với chị Thạch Thị Thúy P tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được.

Trong quá trình chung sống có con chung tên Thạch Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/9/2016, hiện do chị P đang nuôi dưỡng, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con định kỳ một tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Thúy P và anh Nguyễn Văn Q thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị P và anh Q thống nhất giao cháu Thạch Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/9/2016 cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu C. Anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu C định kỳ một tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị P và anh Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P và anh Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Thúy P được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; về con chung: Giao cháu Thạch Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/9/2016 cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu C. Buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu C định kỳ một tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Không tranh chấp và nợ chung không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P xác lập quan hệ hôn nhân với anh Q và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ) vào ngày 18/10/2016 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay chị P và anh Q thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về con chung: Chị P và anh Q thống nhất giao cháu Thạch Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/9/2016 cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của cháu C, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C một tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Q đồng ý cấp dưỡng cháu C một tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị P và anh Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Chị P và anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Thúy P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Thúy P được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/9/2016 cho chị Thạch Thị Thúy P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu C.

Buộc anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ một tháng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu tính kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Thạch Thị Thúy P phải chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007672, ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh V; chị P đã nộp đủ án phí.

6. Về án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh Nguyễn Văn Q phải chịu toàn bộ.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ (chứng nhận kết hôn ngày 18/10/20216);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân